

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-11-2023

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VINH LONG, TỈNH VINH LONG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Châu Thanh Tân
2. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thủy Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thanh D**, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang (có đơn xin vắng mặt ngày 03/11/2023).

- Bị đơn: Anh **Ngô Thanh T**, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Số A, đường H, Phường E, thành phố V, tỉnh Vinh Long (có đơn xin vắng mặt ngày 19/10/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2023, cùng các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lê Thanh D trình bày:

- Về hôn nhân:

Chị D và anh T quen biết và tự tìm hiểu khoảng 06 tháng thì đi đến hôn nhân, không tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2015, đến ngày 27/11/2017 chị D và anh T mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E,

thành phố V, tỉnh Vĩnh Long để làm khai sinh cho con. Vợ chồng chị sống hạnh phúc khoảng 07 năm. Đến cuối năm 2022, phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau; anh T không chí thú làm ăn, thường xuyên ăn nhậu bên ngoài về nhà chửi và đánh đập chị D nên cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc. Hiện chị và anh T đã sống ly thân khoảng 01 năm, chị D về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại: ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình có hòa giải đoàn tụ nhưng chị D không còn tình cảm với anh T nên chị không đồng ý đoàn tụ. Chị cũng không trình báo chính quyền địa phương yêu cầu hòa giải mâu thuẫn của chị và anh T. Nay chị D xác định không còn tình cảm với anh T, yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân chị D và anh T có 01 con chung tên Ngô Quân H, sinh ngày 26/8/2015. Hiện Quân H đang chung sống với anh T và bà nội tại địa chỉ: số A, đường H, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long để đi học, Quân H đang học tiểu học tại Phường E, thành phố V. Bản thân chị D chưa có công việc ổn định nên chị D yêu cầu giao cháu Q Hạo cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai nợ anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị D cam kết xin ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ gì khác, cam kết trình bày đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2023, bị đơn Ngô Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị D về quan hệ hôn nhân, thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, thời gian mâu thuẫn vợ chồng. Anh cũng thừa nhận năm 2022, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, anh có đánh chị D, chị D đã trở về nhà cha mẹ ruột tại huyện C, tỉnh Hậu Giang sinh sống cho đến nay. Anh xác định không còn tình cảm với chị D, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

- Về con chung: anh thống nhất lời trình bày của chị D về con chung. Hiện Quân H đang sống cùng với anh và mẹ ruột của anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: thống nhất lời trình bày của chị D, anh và chị D không có tài sản chung, không có nợ chung, không ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D. Cho chị D được ly hôn với anh T; giao con chung Ngô Quân H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; án phí sơ thẩm: chị D phải nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị D khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh T, nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nên căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt nên xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị D và anh T tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ, chị D và anh T đều trình bày vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng vào năm 2022 và sống ly thân cho đến nay; chị D giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T, anh T cũng xác định không còn tình cảm với chị D và đồng ý ly hôn với chị D.

Xét thấy, chị D và anh T đều xác định không còn tình cảm với nhau, đã sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D xử

cho chị D và anh T ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về con chung:

Chị D và anh T có 01 con chung là Ngô Quân H, sinh ngày 26/8/2015. Năm 2022, chị D và anh T sống ly thân đến nay Quân H vẫn tiếp tục chung sống với anh T, do anh T nuôi dưỡng. Chị D đề nghị giao con chung cho anh T, anh T cũng yêu cầu được tiếp tục nuôi Quân H; đồng thời tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2023 (bút lục 28), Quân H trình bày: nếu cha mẹ ly hôn thì Quân H có nguyện vọng được sống với cha (anh T) và bà nội nên giao con chung Ngô Quân H, sinh ngày 26/8/2015 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là đúng nguyện vọng của con chung cũng như đảm bảo ổn định về chỗ ở, điều kiện tiếp tục học tập và sinh hoạt của con chung.

Anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra xem xét;

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: chị D và anh T cùng xác định: anh, chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không ai nợ anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: chị Lê Thanh D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002393 ngày 25/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Như phân tích trên, nên lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144, khoản 4 Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thanh D với anh Ngô Thanh T.
2. Về con chung: giao con chung Ngô Quân H, sinh ngày 26/8/2015 cho anh Ngô Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Lê Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị D không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị D.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị D và anh T cùng xác định: anh, chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không ai nợ anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: chị Lê Thanh D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002393 ngày 25/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án tại chính quyền địa phương để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- UBND Phường 5, Tp. Vĩnh Long
(Giấy CNKH số 91, ngày 27/11/2017);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Thuận

